

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NÔNG CỐNG  
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 33/2019/HSST  
Ngày 05-7-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Kỳ Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Đức Cường

2. Bà Lê Thị Dệt

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án,  
Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HS ngày 24/6/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Tiến T, sinh ngày 21/9/1986; Nơi sinh: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn Lộc Tuy, xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: kinh; Giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Tiến T1, sinh năm 1957 và bà Thiều Thị D, sinh năm 1963; có vợ là Mai Thị H và có 01 sinh năm 2016; Tiền sự: không.

Tiền án: có 02 tiền án:

- Ngày 08 tháng 11 năm 2016, bị Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

- Ngày 22 tháng 11 năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/5/2019, đến ngày 10/5/2019 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Bị cáo bị tạm giam có mặt tại phiên tòa.

**\*Người bào chữa cho bị cáo:**

Bà Nguyễn Thị Nữ Hoàng - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa; có mặt tại phiên tòa.

**\*Người bị hại:**

- Anh Bùi Xuân L, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn Tân Kỳ, xã Công Liêm, huyện Nông Cống, Thanh Hóa.

**\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Vũ Hữu L1, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn Lý Bắc, xã Thăng Bình, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

- Anh Lê Văn C, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn Lộc Tuy, xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh C vắng mặt anh L và anh L1.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 04/5/2019 Lê Tiến T, sinh năm 1986 trú tại thôn Lộc Tuy, xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 36H2-2824 mượn của anh Lê Văn C ở cùng thôn để đi trong địa phận xã Công Liêm, quan sát xem có nhà dân nào sơ hở thì vào trộm cắp tài sản. Thanh đi đến nhà anh Bùi Xuân L ở thôn Tân Kỳ, xã Công Liêm thấy cổng mở và không có ai ở nhà, T đi vào thì thấy 01 điện thoại di động để ở ngoài hè nên T lấy trộm. Khoảng 5 phút sau anh L về nhà thì thấy T đi ra và phát hiện mình bị mất điện thoại, anh L đuổi theo T nhưng không kịp.

Đến 12 giờ 30 phút cùng ngày, nhận thức được hành vi của mình không thể che giấu được nên T đã đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nông Cống đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản của mình vào sáng ngày 04/5/2019 tại nhà anh L.

Người bị hại anh Bùi Xuân L báo cáo: sáng ngày 04/5/2019, có một thanh niên lên vào nhà lấy trộm một điện thoại di động Samsung Galaxy J4, mua tháng 10 năm 2018 trị giá 3.490.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 27/ĐGTS ngày 08/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Nông Cống kết luận:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4 màu bạc, loại 16 GB. Số Imei 1: 358131097023569, Imei 2: 358132097023567. Điện thoại đã qua sử dụng, vào thời điểm trộm cắp có giá trị là 1.700.000 đồng.

- Một vỏ ốp điện thoại bằng nhựa màu đen đã qua sử dụng vào thời điểm trộm cắp có giá trị giá là 20.000 đồng.

- 01 sim số thuê bao 0975436879 vào thời điểm bị trộm cắp có giá trị là 25.000 đồng.

- 01 sim số thuê bao 0582345159 vào thời điểm bị trộm cắp có giá trị là 25.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: 1.770.000 đồng.

Trong quá trình điều tra Thanh khai nhận sau khi bán điện thoại cho anh Vũ Hữu L1, sinh năm 1997 ở thôn Lý Bắc, xã Thăng Bình, Nông Cống lấy số tiền 420.000 đồng, T lấy lại hai sim điện thoại bỏ vào túi quần rồi đi về. Do túi quần bị thủng nên T đã làm rơi hai sim điện thoại ở đoạn nào trên đường đi mà không biết. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nông Cống đã truy tìm nhưng không thấy.

Đối với anh Lê Văn C là người cho Lê Tiến T mượn chiếc xe mô tô BKS 36H2-2824. Khi Thanh mượn xe, T nói với C là “đi có việc”, anh C không biết T dùng xe của mình làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan CSĐT công an huyện Nông Cống không có căn cứ để xử lý đối với anh C.

Đối với anh Vũ Hữu L1, lúc mua điện thoại của Lê Tiến T, T nói là điện thoại của mình, không biết chiếc điện thoại trên là do T trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nông Cống không có căn cứ để xử lý đối với anh L1. Anh L1 không yêu cầu T phải bồi thường số tiền trên.

\*Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4 màu bạc, loại 16 GB. Số Imei 1: 358131097023569, Imei 2: 358132097023567. Điện thoại đã qua sử dụng và một vỏ ốp điện thoại bằng nhựa màu đen đã qua sử dụng. Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Bùi Xuân L theo Quyết định xử lý vật chứng số 24/CSĐT ngày 09/5/2019.

- 02 sim điện thoại Thanh không biết làm rơi ở vị trí nào trên đường đi về nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống không thu giữ được.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu NEWANGELHI biển kiểm soát 36H2-2824 thuộc quyền sở hữu của anh Lê Văn C, qua quá trình điều tra, xác minh không liên quan đến tội phạm nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã trả lại cho anh C theo Quyết định xử lý vật chứng số 24/CSĐT ngày 09/5/2019

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKSNC ngày 10/6/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống đã truy tố bị cáo Lê Tiến T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Lê Tiến T về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt Lê Tiến T từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ.

Do bị cáo là người thuộc hộ nghèo và không có thu nhập ổn định, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

Về bồi thường thiệt hại: Người bị hại là anh Bùi Xuân L đã nhận lại chiếc điện thoại, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị của hai chiếc sim điện thoại bị mất và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên không xem xét.

Anh Vũ Hữu L1 là người đã mua chiếc điện thoại mà bị cáo đã trộm cắp, sau đó đã giao nộp chiếc điện thoại cho cơ quan điều tra và không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại số tiền đã mua điện thoại của Lê Tiến T, vì vậy không xem xét về việc bồi thường cho anh L1.

Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại bị cáo chiếm đoạt của anh Bùi Xuân L, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại là đúng với quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe máy của anh Lê Văn C cho bị cáo mượn và bị cáo đã sử dụng vào việc trộm cắp tài sản, tuy nhiên khi anh C cho bị cáo mượn không biết bị cáo sử dụng vào việc trộm cắp, vì vậy việc Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe máy cho anh C là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chiếc điện thoại của anh L mà bị cáo trộm cắp được sau khi bán cho anh L1 được 420.000đ và anh L1 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra, sau đó đã trả lại cho anh L nhưng anh L1 không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã mua điện thoại, vì vậy thấy rằng đây là số tiền bị cáo có được do phạm tội cần phải truy thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp với quy định của pháp luật.

Quan điểm bào chữa của bà Nguyễn Thị Nữ Hoàng: Hoàn toàn đồng ý với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với tội danh của bị cáo, tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì bị cáo trộm cắp chiếc điện thoại của anh L là bộc phát mà không có sự chuẩn bị trước. Sau khi phạm tội đã ra đầu thú, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã đi chuộc chiếc điện thoại và tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra và tự nguyện giao nộp chiếc xe máy đã sử dụng vào việc trộm cắp tài sản và bị cáo có bố là người tham gia kháng chiến, là bệnh binh và là người được tặng thưởng huân huy chương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 của Bộ luật Hình sự, trong khi đó bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Vì vậy, trên cơ sở phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử lên cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, tuyên phạt bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù để bị cáo có cơ hội sửa chữa trở thành người có ích cho xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Tiến T thừa nhận: Vào ngày 04/5/2019, bị cáo đã có hành vi lợi dụng nhà vắng người, không khóa cửa ngõ đã lén lút vào nhà anh Bùi Xuân L trộm cắp tài sản là một điện thoại di động Samsung Galaxy J4 (trong đó có 01 ốp điện thoại và 02 sim), có tổng trị giá là 1.770.000 đồng. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Tuy giá trị tài sản trộm cắp dưới 2.000.000 đồng nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đang có hai tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: bị cáo Lê Tiến T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Do đó bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Lê Tiến T phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ và hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị xử lý hành chính và xử lý hình sự nhưng vẫn không sửa chữa mà tiếp tục phạm tội. Mặc dù giá trị của các tài sản trộm cắp mỗi lần không lớn, mục đích trộm cắp để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng nhưng đã gây tâm lý lo lắng, bức xúc trong quần chúng nhân dân.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xét xử nhiều lần về hành vi trộm cắp tài sản nhưng vẫn tiếp tục phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có hai tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên do giá trị tài sản chiếm đoạt của bị cáo lần này có giá trị dưới 2.000.000đ thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự, vì vậy bị cáo không thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm”

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản trộm cắp gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội đã ra đầu thú và bị cáo có bố là bệnh binh. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Đối với việc bà Nguyễn Thị Nữ Hoàng là người bào chữa cho bị cáo có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự là "*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*" với lý do sau khi phạm tội, bị cáo đã đi chuộc chiếc điện thoại từ anh L1 để nộp cho CQĐT cũng như việc tự nguyện giao nộp chiếc xe máy mượn của anh C cho CQĐT là chưa chính xác, chỉ mới căn cứ trên lời khai của bị cáo tại phiên tòa mà không căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì chiếc điện thoại là do anh Vũ Hữu L1 tự nguyện giao nộp cho CQĐT sau khi bị cáo đã đầu thú và bị tạm giữ. Đối với chiếc xe mô tô của anh C cũng do anh C đưa đến CQĐT để giao nộp. Vì vậy không có căn cứ để áp dụng điểm b khoản 1 điều 51 của BLHS theo đề nghị của bà Nguyễn Thị Nữ Hoàng.

Trên cơ sở đánh giá hành vi phạm tội, tính chất vụ án, nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo xét thấy cần áp dụng điều 38 của Bộ luật Hình sự để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đưa bị cáo vào môi trường giáo dục học tập, lao động nghiêm khắc theo quy chế trại giam để cải tạo bị cáo thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội, răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Lê Tiến T thuộc hộ nghèo, không có thu nhập nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên HĐXX không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4 màu bạc, loại 16 GB. Số Imei 1: 358131097023569, Imei 2: 358132097023567 và một vỏ ốp điện thoại bằng nhựa màu đen đã qua sử dụng, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Bùi Xuân L là phù hợp.

Đối với 02 sim điện thoại Thanh không biết làm rơi ở vị trí nào trên đường đi về, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nông Cống không thu giữ được và người bị hại không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu NEWANGELHI biển kiểm soát 36H2-2824 thuộc quyền sở hữu của anh Lê Văn C, qua quá trình điều tra, xác minh anh C không biết Thanh đã dùng xe đi làm phương tiện đi trộm cắp tài sản ngày 04/5/2019. Do vậy, Cơ quan CSĐT đã trả lại chiếc xe cho anh C là đúng với quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 420.000đ bị cáo có được do bán chiếc điện thoại trộm cắp cho anh Vũ Hữu L1 và đã được anh L1 giao nộp lại cho Cơ quan điều tra để trả lại cho người bị hại nhưng anh L1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại số tiền trên, xét thấy đây là số tiền có được do phạm tội mà có, vì vậy cần truy thu của bị cáo để nộp ngân sách nhà nước là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo Lê Tiến T thuộc diện hộ nghèo nên cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để miễn án phí cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Tiến T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Lê Tiến T 12 (*Mười hai*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 04/5/2019.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu của Lê Tiến T số tiền 420.000đ(bốn trăm hai mươi nghìn đồng) là số tiền bán điện thoại cho anh Vũ Hữu L1 để nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Tiến T.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo và anh C, vắng mặt người anh L và anh L1. Bị cáo và anh C có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh L và anh L1 vắng mặt, thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- Công an huyện Nông Cống;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án DS;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Võ Kỳ Anh**